

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
[Ngữ pháp tiếng Nhật 1]
Mã học phần: JGR33031- Số tín chỉ: 04

Dùng cho (các) ngành: Ngôn ngữ Anh Nhật
Điều kiện tiên quyết (nếu có): Tổng hợp tiếng Nhật 1
Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến
Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

1. Mô tả chung về học phần

Học phần Ngữ pháp tiếng Nhật 1 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Nhật trình độ sơ cấp 1- N5. Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp; Có khả năng nghe, nói những câu giao tiếp hội thoại thường ngày; Có khả năng đọc hiểu bài khóa tương đương với mức độ sơ cấp 1; Có khả năng sử dụng các cấu trúc câu nâng cao trình bày viết theo chủ đề tương đương với trình độ sơ cấp 1; Tăng cường vốn từ vựng và có khả năng sử dụng trong thực hành các kỹ năng. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Nhật

2. Các chữ viết tắt

Không

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a1	Nắm vững các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5
a2	Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề
b1	Vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn
c2	Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

4. Giáo trình và tài liệu học tập

4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:

- + 3A Corporation, Japan “**みんなの日本語 初級 I-本冊**”, second Edition, 2012
- + 3A Corporation, Japan “**みんなの日本語 初級 I- 標準問題集**”, second Edition, 2012.

4.2. Tài liệu tham khảo:

- + Japan Foundation, まるごと- 日本の言葉と文化初級 A2 理解、2014
- + Japan Foundation, まるごと- 日本の言葉と文化初級 A2 活動、2014
- + Japan Foundation, いろいろ- 生活の日本語 - 入門 A1、2020

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần phải tham gia đầy đủ các tiết học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định
- Có đầy đủ tài liệu học tập

- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Làm bài tập về nhà và trên lớp đầy đủ, đạt kết quả.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về môn học, nâng cao vốn từ, trau dồi kỹ năng tự học, chăm chỉ, chủ động luyện tập để củng cố, nâng cao, mở rộng kiến thức.

6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
Bài 8 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp - Làm bài tập về nhà - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 9 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 10 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 11 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 12 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 13 1. Từ mới 2. Ngữ pháp	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ	9	a1, a2, b1, c2

3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập		- Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet		
Bài 14 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 15 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 16 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Đánh giá 1: 15% <i>Kiểm tra trắc nghiệm- tự luận</i> <i>Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học từ bài 8 - bài 16</i>	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	2	- Tự ôn tập từ bài 8 đến bài 16	6	a1, a2, b1, c2
Bài 17 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 18 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 19 1. Từ mới	- Vận dụng từ mới để đặt câu	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp	9	a1, a2, b1, c2

2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập		- Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet		
Bài 20 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 21 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 22 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 23 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet		a1, a2, b1, c2
Bài 24 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2
Bài 25 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. 練習 A, B 4. 問題-標準問題集	- Vận dụng từ mới để đặt câu - Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với giáo viên và các bạn - Vận dụng ngữ pháp vừa học để đặt câu, làm bài tập	3	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài cũ - Làm bài tập được giao Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	9	a1, a2, b1, c2

Đánh giá 2: 15% <i>Kiểm tra trắc nghiệm-tự luận</i> <i>Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học từ bài 17 - bài 25</i>	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	2	Tự ôn tập từ bài 17 đến bài 25	6	a1, a2, b1, c2
Ôn tập		2		6	a1, a2, b1
Tổng số tiết/giờ học		60		180	

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a1	a2	b1	c2
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm +Tự luận	25%	x	x	x	x
	ĐG2. Tự luận + Vấn đáp	25%	x	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	x	x	x	x
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c2 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá [bài đánh giá 1 tập trung kiểm tra khả năng ghi nhớ chữ cái, từ vựng, khả năng vận dụng cấu trúc câu đã học từ đầu - bài 3 bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận]:
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm vững 85% trở lên đối với các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm vững từ 70%-84% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm được 55% đến 69% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm được 40%-54% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Không nắm được các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5
a2: Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng khá tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng ở mức trung bình từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng một chút từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Không vận dụng được từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề
b1: Vận dụng kiến thức ngữ	Vận dụng tốt kiến thức ngữ	Vận dụng tương đối tốt	Vận dụng ở mức độ trung	Vận dụng được một chút	Vận dụng kém hoặc không

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	bình kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn
c2: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện tốt và hiệu quả năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện khá tốt năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện bình thường năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện yếu năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Không thể hiện được năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

8. 2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c2. Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: tự luận và vấn đáp

Mô tả bài đánh giá: bài đánh giá 2 kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.

Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán đã học vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm vững 85% trở lên đối với các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm vững từ 70%-84% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm được 55% đến 69% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm được 40%-54% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Không nắm được các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5
a2: Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng khá tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng ở mức trung bình từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Vận dụng một chút từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	Không vận dụng được từ vựng và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề
b1: Vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng	Vận dụng tốt kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng	Vận dụng tương đối tốt kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao	Vận dụng ở mức độ trung bình kiến thức ngữ pháp đã học để nâng	Vận dụng được một chút kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao	Vận dụng kém hoặc không vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn
c2: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện tốt và hiệu quả năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện khá tốt năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện bình thường năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện yếu năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Không thể hiện được năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học để hoàn thành các dạng bài điền hội thoại, sắp xếp câu, dịch câu từ tiếng Việt sang tiếng Nhật
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, năng lực tự học

Bài thi gồm 2 phần Trắc nghiệm + Tự luận bao gồm các nội dung: từ vựng + ngữ pháp, đọc, viết:

- Từ vựng: 20 câu trắc nghiệm (0.1 điểm một câu, tổng 2 điểm)
- Ngữ pháp: 10 câu trắc nghiệm (tổng 1 điểm), 10 câu chọn từ điền ô trống (tổng 1 điểm), 10 câu chia thể ngữ pháp đúng (tổng 2 điểm), 10 câu sắp xếp trật tự từ (tổng 1.5 điểm).
- Đọc: 10 câu trắc nghiệm hoặc chọn đúng sai (tổng 1 điểm)
- Viết: 5 câu dịch Nhật – Việt (0.5 điểm), 10 câu dịch Việt - Nhật (1 điểm).
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10.

Chuẩn đầu ra: a1;a2;b1;c2.

Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm vững 85% trở lên đối với các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm vững từ 70%-84% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm được 55% đến 69% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Nắm được 40%-54% các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5	Không nắm được các cấu trúc câu cơ bản ở mức độ sơ cấp 1 tương đương trình độ N5
a2: Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để	Vận dụng tốt từ vựng và cấu trúc câu để	Vận dụng khá tốt từ vựng và cấu trúc câu để	Vận dụng ở mức trung bình từ vựng	Vận dụng một chút từ vựng và cấu trúc	Không vận dụng được từ vựng và cấu trúc

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	và cấu trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề	trúc câu để thực hành giao tiếp, hội thoại thường ngày theo chủ đề
b1: Vận dụng kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	Vận dụng tốt kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	Vận dụng tương đối tốt kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	Vận dụng ở mức độ trung bình kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	Vận dụng được một chút kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn	Vận dụng kém hoặc không vận dụng được kiến thức ngữ pháp đã học để nâng cao các kỹ năng viết câu, đọc hiểu bài đọc ngắn
c2: Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện tốt và hiệu quả năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện khá tốt năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện bình thường năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện yếu năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Không thể hiện được năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

8.4 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

$$\Sigma = \frac{\text{Đánh giá 1} * 25\% + \text{Đánh giá 2} * 25\% + \text{bài kiểm tra cuối kì} * 50\%}{100}$$

100

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:
+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
+ projector
+ Loa, Đài cassette
+ Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:
 - + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
 - + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
 - + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số tiết. Nếu nghỉ từ 10%-20% sẽ bị trừ vào điểm chuyên cần. Nếu nghỉ 30% trở lên, sinh viên phải học lại học phần này.

Làm bài tập được giao đầy đủ, đúng hạn. Nếu không đúng hạn sẽ bị trừ 1 điểm vào 1 bài đánh giá.

Trong lớp không mất trật tự, nếu mất trật tự gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học sẽ bị trừ 1 điểm vào bài kiểm tra hết môn.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày tháng năm 202....
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp